TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 516/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 07 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa;

Ông Nguyễn Đức Duy.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Bà Lương Thị Trà My- Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2022/TLST-HNGĐ ngày 11/05/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐHPT-DS ngày 06/07/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ánh H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp TB2, xã LM, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Trần Trung H1,** sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TCN, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Chị H có mặt; anh H1 vắng mặt phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Tại đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 17/01/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn là chị Lê Thị Ánh H trình bày: Chị và anh Trần Trung H1 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thân Cửu Nghĩa, huyên Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng, thời giang đầu sống hạnh phúc. Khi chị sinh con thứ hai thì anh H1 có quan hệ với người phụ nữ khác, không chăm

sóc gia đình. Đến tháng 5 năm 2019 chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ đó vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, Chị H yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Có hai con chung tên Trần Ngọc T - sinh ngày 23/02/2016 và Trần Hồng Ngọc D - sinh ngày 04/01/2019. Hiện nay các cháu đang sống với chị, khi ly hôn Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Tại đơn khởi kiện chị yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con cung mỗi tháng là 2.000.000 đồng/1 con. Ngày 06/06/2022 Chị H có bản tự khai bổ sung, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có.

***** Bị đơn là anh Trần Trung H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phát biểu:

* Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị Ánh H được ly hôn với anh Trần Trung H1. Về con chung giao hai con chung tên Trần Ngọc T - sinh ngày 23/02/2016 và Trần Hồng Ngọc D - sinh ngày 04/01/2019 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung do Chị H không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn là anh Trần Trung H1 đã được tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để tham dự phiên tòa. Hội đồng xét xử, quyết định xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh H và anh Trần Trung H1 xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị H là có

cơ sở, bởi tại phiên tòa Chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng do anh H1 không quan tâm chăm sóc gia đình và có người phụ nữ khác. Từ giữa năm 2019 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án anh H1 đã được Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định pháp luật, nhưng không phản đối yêu cầu khởi kiện của Chị H và cũng không có thể hiện biện pháp nào để hàng gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho Chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có hai con chung tên Trần Ngọc T - sinh ngày 23/02/2016 và Trần Hồng Ngọc D - sinh ngày 04/01/2019. Hiện nay hai con chung đang sống chung với Chị H. Khi ly hôn Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi Chị H và anh H1 sống ly thân đến nay, Chị H là người trực tiếp chăm sóc con chung, các cháu vẫn phát triển tốt. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu Trinh và cháu Duyên cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phụ hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung, nhận thấy tại phiên tòa Chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Do đó, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị H không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Ánh H.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ánh H với anh Trần Trung H1.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Trần Ngọc T - sinh ngày 23/02/2016 và Trần Hồng Ngọc D - sinh ngày 04/01/2019 cho Chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi chung do Chị H không yêu cầu.

Anh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Lê Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai thu số 0020366 ngày 09/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy Chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trịnh Phan Minh Trâm